

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2021/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 20 tháng 12 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc môi trường  
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;*

*Căn cứ Nghị định 44/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;*

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 41/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp lưu động và phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với viên chức quan trắc tài nguyên môi trường, điều tra cơ bản tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 8 tháng 12 năm 2015 quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ngành quan trắc tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT- BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng gồm những nội dung sau:

1. Phạm vi áp dụng

a) Đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này làm căn cứ để lập, thẩm định, đặt hàng cung cấp dịch vụ công, giao dự toán và quyết toán kinh phí ngân sách đối với việc thực hiện hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Các hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì do tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ chi trả.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và đảm bảo một phần chi thường xuyên. Trong đơn giá: Các chi phí dụng cụ, vật liệu được cộng thêm thuế VAT 10%; không tính chi phí khấu hao thiết bị và chi phí thường xuyên ngân sách đã bố trí cho cán bộ, viên chức và nhân viên trong thời gian tham gia nhiệm vụ, dự án.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; doanh nghiệp: sử dụng đơn giá có khấu hao tài sản cố định (đã loại trừ phần thuế giá trị gia tăng đối với các yếu tố đầu vào: chi phí vật liệu; chi phí dụng cụ, chi phí thiết bị, năng lượng; chi phí nhiên liệu...).

3. Bộ đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc môi trường gồm:

Phụ lục I. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường không khí ngoài trời.

Phụ lục II. Đơn giá hoạt động quan trắc tiếng ồn; hoạt động quan trắc độ rung.

Phụ lục III. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường nước mặt lục địa.

Phụ lục IV. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường đất.

Phụ lục V. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường nước dưới đất.

Phụ lục VI. Đơn giá hoạt động quan trắc chất lượng nước mưa.

Phụ lục VII. Đơn giá hoạt động quan trắc nước thải.

Phụ lục VIII. Đơn giá hoạt động quan trắc chất lượng trầm tích.

Phụ lục IX. Đơn giá hoạt động quan trắc chất thải.

Phụ lục X. Đơn giá hoạt động quan trắc khí thải.

Phụ lục số XI. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động cố định liên tục.

Phụ lục số XII. Đơn giá hoạt động quan trắc môi trường của trạm quan trắc môi trường không khí tự động cố định liên tục.

4. Bộ đơn giá được xây dựng với mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng. Trường hợp có sự thay đổi định mức tiền lương thì giao Sở Tài

nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu trình UBND tỉnh điều chỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc các Sở; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Ánh**